

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Báo cáo tài chính cho giai đoạn
từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Hoạt động -
Kinh doanh**

Chứng khoán số 116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 54/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch
Bà Cao Thị Thúy Nga	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Phan Phương Anh	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng M, 3 và 7
Tòa nhà MB
Số 3 Liễu Giai
Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-03-2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số dư chuyển giao tại ngày 9 tháng 12 năm 2013 là số dư tổng hợp của các tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT tại ngày 8 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT tại ngày 8 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 8 tháng 12 năm 2013, mà dựa vào đó các số dư chuyển giao được tổng hợp, được một công ty kiểm toán khác kiểm toán. Trong các báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 12 năm 2013 đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và ngày 8 tháng 12 năm 2013 đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính nói trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-111/3

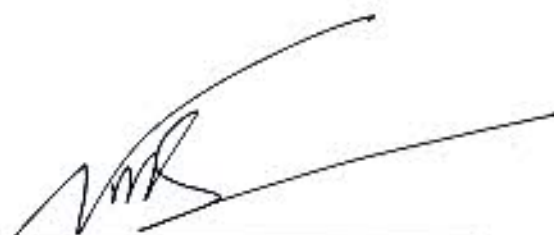


Trần Đình Vĩnh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, **28-03-2014**

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND
TÀI SẢN			
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.146.895.299.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	710.568.300.371
1. Tiền	111		670.568.300.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	106.635.225.499
1. Đầu tư ngắn hạn	121		232.512.628.432
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(125.877.402.933)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.310.949.270.672
1. Phải thu của khách hàng	131	7	1.408.956.804.593
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.043.653.953
5. Các khoản phải thu khác	138	7	299.478.377.084
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(398.529.564.958)
IV. Hàng tồn kho	140		204.357.004
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.538.146.414
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.710.374.083
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	376.378.781
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	16.451.393.550
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		503.191.316.571
II. Tài sản cố định	220		9.182.958.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.311.624.025
Nguyên giá	222		50.313.317.337
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.001.693.312)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	841.670.280
Nguyên giá	228		8.150.151.501
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.308.481.221)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		29.664.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	400.037.164.649
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		150.427.500.150
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		150.427.500.150
4. Đầu tư dài hạn khác	258		288.103.892.499
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(38.494.228.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		93.971.193.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	87.998.583.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	5.607.932.000
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	15	120.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		244.678.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.650.086.616.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN			
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.426.556.777.396
I. Nợ ngắn hạn	310		1.411.302.377.396
2. Phải trả người bán	312		1.699.921.881
3. Người mua trả tiền trước	313		1.302.002.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.764.233.380
5. Phải trả người lao động	315		1.484.380.551
6. Chi phí phải trả	316	17	15.794.990.292
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	1.369.954.693.001
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		961.512.981
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1.901.724.813
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	19	15.426.836.001
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		12.082.496
II. Nợ dài hạn	330		15.254.400.000
3. Phải trả dài hạn khác	333	20	15.254.400.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	1.223.529.839.135
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.223.529.839.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.221.242.800.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		114.351.957
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		114.351.957
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.058.335.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.650.086.616.531

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2013 VND
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	142.291.810.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	57.000.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	7.438.811.450.000
Trong đó:		
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	6.785.970.450.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	200.852.560.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	6.491.980.180.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	93.137.710.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	368.359.210.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	368.359.210.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	280.940.510.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	280.940.510.000
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	50.600.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	3.490.680.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	3.490.680.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	170.394.340.000

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng
28-03-2014

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Báo cáo kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013**

B02-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
1. Doanh thu	01	22	24.982.129.262
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.939.217.629
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		5.566.940.279
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		751.818.182
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		369.576.062
Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản	01.8		390.952.444
Doanh thu khác	01.9		10.963.624.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(7.880.206)
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		24.974.249.056
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	(22.011.047.732)
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán			(35.796.290.221)
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán			13.785.242.489
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		2.963.201.324
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(3.482.774.030)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(519.572.706)
8. Thu nhập khác	40		2.806.611.841
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.287.039.135
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.287.039.135
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	26	30,43

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

28-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-CTCK

	Mã số	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	2.287.039.135
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		<i>(391.905.672)</i>
Khấu hao TSCĐ	02	586.328.089
Các khoản dự phòng	03	13.889.678.898
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.754.173.511)
Chi phí lãi vay	06	6.886.260.852
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	1.895.133.463
Giảm các khoản phải thu	09	4.739.516.523
Giảm chứng khoán thương mại		13.341.619.829
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	109.207.746.777
Tăng chi phí trả trước	12	1.158.164.004
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.371.774.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	127.970.406.396
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.168.932.499)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(35.168.932.499)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	92.801.473.897
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	617.766.826.474
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 5)</i>	70	710.568.300.371

Người lập:


 Nguyễn Văn Học
 Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:


 Chu Hải Công
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Trần Hải Hà
 Tổng Giám đốc

28-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Số dư đầu kỳ 9/12/2013	Số tăng/giảm Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013		Số dư cuối kỳ 31/12/2013
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	621.242.800.000	600.000.000.000	-	1.221.242.800.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	114.351.957	-	114.351.957
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	114.351.957	-	114.351.957
Lợi nhuận chưa phân phối	-	2.287.039.135	(228.703.914)	2.058.335.221
	621.242.800.000	602.515.743.049	(228.703.914)	1.223.529.839.135

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải-Công
Kế toán trưởng

28-03-2014

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013**

B09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau hợp nhất) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT; Giấy phép hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2013 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng M, 3 và 7, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty có hai (02) chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 262 nhân viên.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

(d) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

(e) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty là từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(f) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

(ii) Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua.

(iii) Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hình thành cổ phiếu, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro đối với danh mục chứng khoán đầu tư, sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa hình thành cổ phiếu và/hoặc các hợp đồng hợp tác kinh doanh chia sẻ lợi nhuận giữa Công ty và đối tác, sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty sẽ căn cứ trên các nguồn thông tin đáng tin cậy (báo chí và thông tin thị trường) để xác định giá thị trường của tài sản tài chính.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác*

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư 228. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Đối với các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hoặc chưa hình thành cổ phiếu, dự phòng cho các khoản đầu tư này được trích lập như các khoản phải thu (Thuyết minh 3(d)).

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Quá hạn từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(e) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

• Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 6 năm
• Máy móc thiết bị	3 – 6 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 năm
• Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

(h) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(j) Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư 228.

(k) Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	: 5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	: 5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác được Công ty thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(n) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

(ii) Kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

(iii) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iv) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

(o) Chi phí vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(p) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu, khi phù hợp, được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không/không phát sinh.

(s) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013****(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****B09-CTCK****(ii) *Nợ phải trả tài chính:****Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:*

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.**Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.***4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện**

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty	2.660.330	47.274.147.000
<i>Cổ phiếu</i>	2.660.330	47.274.147.000
b) Của nhà đầu tư	339.425.417	3.570.240.270.300
<i>Cổ phiếu</i>	339.223.837	3.550.096.591.300
<i>Trái phiếu</i>	200.000	20.131.000.000
<i>Chứng khoán khác</i>	1.580	12.679.000
	342.085.747	3.617.514.417.300

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND
Tiền mặt	279.868.898
Tiền gửi ngân hàng	667.597.847.476
<i>Tiền gửi của Công ty</i>	<i>227.738.282.299</i>
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (i) (Thuyết minh 18)</i>	<i>439.859.565.177</i>
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	2.690.583.997
Các khoản tương đương tiền (ii)	40.000.000.000
	710.568.300.371

- (i) Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh 18).
- (ii) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất năm 7%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

• B09-CTCK

6. Tình hình đầu tư tài chính

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo số kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng VND	Giảm VND	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Chứng khoán thương mại					
Cổ phiếu	13.577.016	221.354.628.432	3.893.843.241	(125.877.402.933)	99.371.068.740
Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (i)	13.577.011	221.354.508.491	3.893.843.241	(125.877.379.665)	99.370.972.067
Chứng chỉ quỹ	12.897.038	214.588.785.688	-	(125.877.379.665)	88.711.406.023
Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (i)	5	119.941	-	(23.268)	96.673
Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (ii)	5	119.941	-	(23.268)	96.673
Đầu tư ngắn hạn khác					
Đầu tư ngắn hạn khác	697.375	11.158.000.000	7.182.962.500	-	18.340.962.500
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	697.375	11.158.000.000	7.182.962.500	-	18.340.962.500
	14.274.391	232.512.628.432	11.076.805.741	(125.877.402.933)	117.712.031.240

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

(i) *Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:*

STT	Cổ phiếu	Số lượng (Đơn vị)	Giá trị theo sổ kế toán (VND)	Giảm so với giá thị trường (VND)	Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
Chứng khoán thương mại					
<i>Chứng khoán niêm yết</i>					
1	MCG	5.120.235	86.879.215.384	(59.229.946.384)	27.649.269.000
2	VCG	1.909.686	19.460.580.504	(172.751.904)	19.287.828.600
3	IDI	2.238.170	38.136.461.000	(22.021.637.000)	16.114.824.000
4	SHI	1.605.032	21.000.375.595	(13.456.725.195)	7.543.650.400
5	NTL	444.390	16.437.215.940	(10.126.877.940)	6.310.338.000
6	SJS	187.940	11.140.815.753	(7.663.925.753)	3.476.890.000
7	DC4	483.204	7.292.956.740	(3.862.208.340)	3.430.748.400
8	CSC	330.040	7.591.212.000	(4.554.844.000)	3.036.368.000
9	PVV	499.200	5.491.200.000	(4.093.440.000)	1.397.760.000
10	PTL	39.523	620.683.095	(506.066.395)	114.616.700
11	Cổ phiếu khác (*)	39.618	538.069.677	(188.956.754)	349.112.923
		12.897.038	214.588.785.688	(125.877.379.665)	88.711.406.023
Chứng chỉ quỹ VF1					
		5	119.941	(23.268)	96.673
		12.897.043	214.588.905.629	(125.877.402.933)	88.711.502.696

(*) Cổ phiếu khác bao gồm danh mục các mã cổ phiếu có giá trị ghi sổ dưới 100.000.000 VND.

(ii) *Dầu tư ngắn hạn khác:*

Dầu tư ngắn hạn khác bao gồm các cổ phiếu được hình thành từ các hợp đồng giữa Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro từ danh mục đầu tư. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một (01) Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI) để đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Y Tế Danameco.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

, B09-CTCK

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tính hình đầu tư tài chính dài hạn của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (Đơn vị)	Giá trị theo số kế toán (VND)	So với giá trị tăng (VND)	Giảm (VND)	Tổng giá trị theo giá trị tăng (VND)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
1. Chứng khoán đầu tư					
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán					
Cổ phiếu (*)	12.190.889	150.427.500.150	4.580.200.000	(10.062.728.000)	144.944.972.150
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (i)	12.190.889	150.427.500.150	4.580.200.000	(10.062.728.000)	144.944.972.150
Chứng chỉ quỹ	7.290.889	101.202.500.150	-	(6.135.728.000)	95.066.772.150
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (i)	2.444.805	30.989.728.000	-	(6.135.728.000)	24.854.000.000
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (i)	4.900.000	49.225.000.000	4.580.200.000	(3.927.000.000)	49.878.200.000
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (i)	1.500.000	15.225.000.000	-	(3.927.000.000)	11.298.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác					
Đầu tư dài hạn khác (**)(ii)	15.799.592	288.103.892.499	-	(28.431.500.000)	259.672.392.499
- Đầu tư dài hạn khác bị giảm giá/rủi ro (i)	15.799.592	288.103.892.499	-	(28.431.500.000)	259.672.392.499
- Đầu tư dài hạn khác bị giảm giá/rủi ro (i)	3.172.000	68.234.500.000	-	(28.431.500.000)	39.803.000.000
	27.990.481	438.531.392.649	4.580.200.000	(38.494.228.000)	404.617.364.649

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

(*) Bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá với số tiền là 70.212.772.150 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

(**) Trong đó bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá với số tiền là 201.469.392.499 VND. Các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

(i) *Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:*

STT	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
		Đơn vị	VND	VND	VND
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>					
<i>Chứng khoán chưa niêm yết</i>					
1	Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Điện Đông Anh	73.500	2.579.000.000	(750.000.000)	1.829.000.000
2	Công ty Cổ phần Máy Nam Định	65.000	1.742.000.000	(1.027.000.000)	715.000.000
3	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	1.306.305	15.028.728.000	(3.718.728.000)	11.310.000.000
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long	1.000.000	11.640.000.000	(640.000.000)	11.000.000.000
		2.444.805	30.989.728.000	(6.135.728.000)	24.854.000.000
<i>Chứng chỉ quỹ</i>					
1	Chứng chỉ Quỹ Hà Nội Fund	1.500.000	15.225.000.000	(3.927.000.000)	11.298.000.000
		3.944.805	46.214.728.000	(10.062.728.000)	36.152.000.000
<i>Đầu tư tài chính dài hạn khác</i>					
1	Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Contrexim)	700.000	19.887.000.000	(14.987.000.000)	4.900.000.000
2	Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O	600.000	16.000.000.000	(1.500.000.000)	14.500.000.000
3	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECCO	492.000	7.380.000.000	(2.460.000.000)	4.920.000.000
4	Công ty Cổ phần Nha khoa DETEC	180.000	2.880.000.000	(1.080.000.000)	1.800.000.000
5	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	300.000	6.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000
6	Công ty Cổ phần Địa ốc MB	517.500	10.350.000.000	(5.175.000.000)	5.175.000.000
7	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	382.500	5.737.500.000	(229.500.000)	5.508.000.000
		3.172.000	68.234.500.000	(28.431.500.000)	39.803.000.000
		7.116.805	114.449.228.000	(38.494.228.000)	75.955.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK*(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:*

**31/12/2013
VND**

Đầu tư dài hạn của Công ty

1. Ủy thác đầu tư góp vốn cho Ngân hàng TMCP Quân đội vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đất Việt (ii-1)	3.000.000.000
2. Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB (ii-2)	269.878.892.499

Đầu tư dài hạn của các đối tác theo Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán

3. Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội (ii-3)	15.225.000.000
	<u>288.103.892.499</u>

(ii-1) Ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đất Việt là khoản đầu tư góp vốn mà Công ty ủy thác thông qua Ngân hàng TMCP Quân đội là đại diện của các nhà đầu tư.

(ii-2) Đây là giá vốn của danh mục cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB mà Công ty chịu toàn bộ rủi ro. Trong đó bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá với số tiền là 183.244.392.499 VND. Do không có các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường của cổ phiếu, các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

(ii-3) Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Ngân hàng TMCP Quân đội.

(c) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

**Giai đoạn từ ngày
9/12/2013 đến ngày
31/12/2013
VND**

Số dư đầu kỳ	-
Số dư chuyển giao	140.278.645.422
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 23)	(14.401.242.489)
Số dư cuối kỳ	<u>125.877.402.933</u>

(d) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

**Giai đoạn từ ngày
9/12/2013 đến ngày
31/12/2013
VND**

Số dư đầu kỳ	-
Số dư chuyển giao	37.878.228.000
Chi phí dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 23)	616.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>38.494.228.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

7. Các khoản phải thu

31/12/2013
VND

Phải thu của khách hàng	1.408.956.804.593
<i>Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (i)</i>	<i>334.522.550.561</i>
<i>Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (ii)</i>	<i>893.537.420.897</i>
<i>Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (iii)</i>	<i>118.363.858.036</i>
<i>Phải thu các khoản ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư (iv)</i>	<i>12.118.315.616</i>
<i>Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp</i>	<i>1.886.697.688</i>
<i>Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khác</i>	<i>48.527.961.795</i>
Trả trước cho người bán	1.043.653.953
Phải thu khác	299.478.377.084
<i>Lãi dự thu</i>	<i>231.081.043.069</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>68.397.334.015</i>
	1.709.478.835.630

- (i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đầu giá mua cổ phần, các hợp đồng hợp tác kinh doanh mua bán chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 02 ngày đến 06 tháng và có mức thu nhập từ 14,00%/năm đến 16,80%/năm. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.
- (ii) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức và cá nhân mà theo đó Công ty thu lợi tức bình quân từ 16%/năm đến 18%/năm.
- (iii) Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 01 tháng đến 01 năm và có mức thu nhập từ 1,69%/tháng đến 2,13%/tháng. Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.
- (iv) Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán tại ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên các Trung tâm Giao dịch). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là từ 0,06%/ngày đến 0,062%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi cho các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư, các hợp đồng hợp tác kinh doanh và các cam kết mua và bán lại chứng khoán đến hạn nhưng khách hàng không thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết. Dự phòng cho các khoản phải thu này được tính và trích lập theo chính sách được mô tả trong thuyết minh 3(d).

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****B09-CTCK****8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi****31/12/2013****VND**

Dự phòng cụ thể

398.529.564.958

Biến động trong kỳ của dự phòng cụ thể cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Giai đoạn từ ngày**9/12/2013 đến****ngày 31/12/2013****VND**

Số dư đầu kỳ

-

Số dư chuyển giao

398.634.001.367

Hoàn nhập trong kỳ (Thuyết minh 24)

(104.436.409)

Số dư cuối kỳ

398.529.564.958

9. Chi phí trả trước ngắn hạn**31/12/2013****VND**

Chi phí trả trước tiền thuê nhà

237.207.450

Chi phí trả trước công cụ dụng cụ chờ phân bổ

784.607.979

Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ

500.084.374

Chi phí trả trước khác

188.474.280

1.710.374.083

10. Tài sản ngắn hạn khác**31/12/2013****VND**

Tạm ứng nhân viên

1.398.393.550

Đặt cọc tự doanh chứng khoán

50.000.000

Đặt cọc thực hiện hợp đồng

15.000.000.000

Đặt cọc khác

3.000.000

16.451.393.550

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

• B09-CTCK

11. Tài sản cố định hữu hình

Giai đoạn từ ngày 9/12/2013
đến ngày 31/12/2013

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số dư chuyển giao	1.309.659.400	40.501.991.269	3.374.901.651	5.126.765.017	50.313.317.337
Số dư cuối kỳ	1.309.659.400	40.501.991.269	3.374.901.651	5.126.765.017	50.313.317.337
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số dư chuyển giao	517.365.037	36.110.911.815	2.324.195.600	2.536.055.959	41.488.528.411
Khấu hao trong kỳ	21.827.657	359.304.397	52.233.346	79.799.501	513.164.901
Số dư cuối kỳ	539.192.694	36.470.216.212	2.376.428.946	2.615.855.460	42.001.693.312
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	770.466.706	4.031.775.057	998.472.705	2.510.909.557	8.311.624.025

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 34.312.703.657 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

B09-CTCK

12. Tài sản cố định vô hình

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Phần mềm máy vi tính	
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư chuyển giao	8.150.151.501
Số dư cuối kỳ	8.150.151.501
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư chuyển giao	7.233.931.908
Khấu hao trong kỳ	74.549.313
Số dư cuối kỳ	7.308.481.221
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	841.670.280

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 5.756.731.501 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND
Chi phí thuê nhà trả trước dài hạn	87.998.583.467
	87.998.583.467
Biến động trong kỳ của chi phí trả trước dài hạn như sau:	
	31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	-
Số dư chuyển giao	88.408.279.140
Phân bổ trong kỳ	(409.695.673)
Số dư cuối kỳ	87.998.583.467

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	-
Số dư chuyển giao	5.607.932.000
Số dư cuối kỳ	5.607.932.000

15. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND
Các khoản thuế phải thu NSNN	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.378.781
Các khoản phải trả NSNN	
Thuế giá trị gia tăng	269.441.063
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	295.607.447
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2.198.461.513
Các loại thuế khác	723.357
	2.764.233.380

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

Chi tiết tình hình tăng giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Số dư chuyển giao	Số phải nộp/(nộp thừa) trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư tại ngày 31/12/2013
Các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	648.582.665	(272.203.884)	-	376.378.781
Các khoản phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	15.517.570	283.077.427	(29.153.934)	269.441.063
Thuế thu nhập cá nhân	2.560.774.336	2.181.722.041	(2.248.427.417)	2.494.068.960
- Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	304.227.038	253.033.370	(261.652.961)	295.607.447
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2.256.547.298	1.928.688.671	(1.986.774.456)	2.198.461.513
Các loại thuế khác	5.700.361	10.974.280	(15.951.284)	723.357
	2.581.992.267	2.475.773.748	(2.293.532.635)	2.764.233.380

17. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND
Lãi dự chi cho các khoản nợ ngắn hạn	10.733.454.085
<i>Phải trả lãi vay</i>	10.733.454.085
Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận	5.061.536.207
<i>Phải trả cho các dịch vụ khác</i>	5.061.536.207
	15.794.990.292

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2013 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	1.414.246.268
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 5)	439.859.565.177
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	365.509.555
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (i)	928.315.372.001
	1.369.954.693.001

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****B09-CTCK**

- (i) Chi tiết các khoản nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2013 VND
Nhận ký quỹ, ký cược từ các tổ chức	800.100.000.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội</i>	<i>170.000.000.000</i>
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex Viettel</i>	<i>597.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Đại Vạn Phú</i>	<i>33.100.000.000</i>
Nhận ký cược ký quỹ từ các cá nhân	128.215.372.001
	928.315.372.001

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	362.797.724
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.064.038.277
	15.426.836.001

20. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013 VND
Phải trả theo hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán dài hạn với Ngân hàng TMCP Quân đội	15.225.000.000
Phải trả dài hạn khác	29.400.000
	15.254.400.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

B09-CTCK

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số dư chuyển giao	621.242.800.000	-	-	-	621.242.800.000
Tăng vốn chủ sở hữu	600.000.000.000	-	-	-	600.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.287.039.135	2.287.039.135
Trích lập các quỹ	-	114.351.957	114.351.957	(228.703.914)	-
Số dư cuối kỳ	1.221.242.800.000	114.351.957	114.351.957	2.058.335.221	1.223.529.839.135

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK**22. Doanh thu**

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.939.217.629
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.566.940.279
<i>Cổ tức</i>	1.499.918.100
<i>Trái tức</i>	225.041.096
<i>Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu</i>	3.841.981.083
Doanh thu hoạt động tư vấn	751.818.182
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	369.576.062
Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản	390.952.444
Doanh thu về vốn kinh doanh	10.963.624.666
<i>Thu lãi tiền gửi</i>	2.206.927.828
<i>Thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	337.497.705
<i>Thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán</i>	
<i>và thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho khách hàng</i>	481.942.407
<i>Thu lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư thu lợi tức cố định</i>	
<i>và các hợp đồng hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư</i>	6.062.423.583
<i>Doanh thu khác</i>	1.874.833.143
	24.982.129.262

23. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Chi phí môi giới	1.377.193.391
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	21.754.173.511
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 6)	(14.401.242.489)
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 6)	616.000.000
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	6.886.260.852
<i>Trả lãi trái phiếu</i>	2.609.551.267
<i>Trả lãi tiền vay</i>	3.788.000.014
<i>Chi phí trả lãi tiền gửi phải trả nhà đầu tư</i>	488.709.571
Chi phí lưu ký chứng khoán	299.390.564
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	5.479.271.903
<i>Chi phí nhân viên</i>	2.931.515.362
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	126.059.498
<i>Chi phí phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ</i>	123.438.208
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	1.085.935.809
<i>Chi phí khác</i>	1.212.323.026
	22.011.047.732

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Chi phí nhân viên	1.146.960.806
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	53.959.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.654.716
Chi phí thuê văn phòng	910.329.237
Thuế, phí và lệ phí	10.219.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(104.436.409)
Chi phí khác	1.004.086.888
	3.482.774.030

25. Thuế thu nhập

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.287.039.135
<i>Trừ</i>	
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	1.499.918.100
<i>Cộng</i>	
- Chi phí không hợp lệ	48.778.625
Lãi tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước chuyển lỗ	835.899.660
Chuyển lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ kỳ trước (*)	835.899.660
Lãi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước đầu kỳ	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

Kể từ năm 2011, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) có phát sinh lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Khoản lỗ mang sang này được Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau hợp nhất) kế thừa.

Số liệu chi tiết liên quan đến lỗ tính thuế phát sinh và việc chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Giai đoạn phát sinh	Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ	Đã chuyển lỗ trong kỳ	Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối kỳ
Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011	620.601.692.606	(835.899.660)	619.765.792.946
Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012	10.690.533.774	-	630.456.326.720
Từ 1/1/2013 đến 06/12/2013	59.222.770.516	-	689.679.097.236
	690.514.996.896	(835.899.660)	689.679.097.236

Số lỗ tính thuế phát sinh năm 2011, 2012 và 2013 tương ứng là: 620.601.692.606 VND, 10.690.533.774 VND và 59.222.770.516 VND đã được Cục thuế Hà Nội xác nhận theo Biên bản thanh tra thuế ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 2.287.039.135 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 75.167.759 cổ phiếu, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.287.039.135

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

**Giai đoạn từ ngày
9/12/2013 đến ngày
31/12/2013**

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	62.124.280
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông chuyển đổi từ trái phiếu	13.043.479
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn từ ngày 9/12/2013 đến ngày 31/12/2013	75.167.759

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

2013

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30,43
---	-------

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

**Số dư tại ngày
31/12/2013
VND**

Ngân hàng TMCP Quân đội	
Tiền gửi thanh toán	227.531.247.815
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	427.219.791.461
Tiền thuê văn phòng và tiền điện	49.559.730
Phí dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	353.650.000
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	(15.225.000.000)
Phải trả khác	(51.078.517)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	
Nhận tiền gửi giao dịch chứng khoán	(1.048.248.475)
Phí quản lý danh mục phải trả	(10.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	
Phải trả khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	(170.000.000.000)
Lãi vay còn phải trả	(624.000.000)
Công ty Cổ phần Địa ốc MB	
Góp vốn	1.752.129.950
Góp vốn theo hợp đồng ủy thác	10.350.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

Giai đoạn từ ngày
9/12/2013 đến ngày
31/12/2013
VND

Ngân hàng TMCP Quân đội

Thu lãi tiền gửi

464.680.778

Thu phí tư vấn

250.000.000

Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu

(3.146.773.211)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Thu phí giao dịch chứng khoán

291.663.647

Chi phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư MB

(57.213.162)

Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội

Chi phí tiền điện

38.250.293

28. Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính**Chính sách quản lý rủi ro**

Mục đích của Công ty là trở thành một Công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường. Do vậy, Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro thị trường;
- rủi ro tín dụng; và
- rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy cảm như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả dài hạn khác, và các khoản vay và nợ dài hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

<i>Giá trị ghi sổ</i>	31/12/2013 VND	
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		1.180.353.013.810
<i>Phải thu khách hàng</i>		844.217.397.496
<i>Các khoản phải thu khác</i>		68.397.334.015
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		267.738.282.299
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính		564.739.407.097
<i>Phải thu khách hàng</i>		564.739.407.097
Nợ phải trả tài chính		943.742.208.002
<i>Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán</i>		928.315.372.001
<i>Phải trả khác</i>		15.426.836.001
<i>Dộ nhạy đối với lãi suất</i>		
Loại tiền	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế
	31/12/2013	31/12/2013 VND
VND	2%	(7.580.056.018)

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị (khi cần) phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 117.711.934.567 VND (Thuyết minh 6(a)). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 2% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm tương ứng 1.774.590.089 VND hoặc tăng tương ứng 1.560.920.158 VND.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa được trình bày như sau:

	31/12/2013
	VND
Không quá hạn và không bị suy giảm	1.558.470.155.144
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.162.790.592.689
<i>Các khoản phải thu khác</i>	127.821.280.156
<i>Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán</i>	120.000.000
<i>Tiền và tương đương tiền</i>	267.738.282.299
Quá hạn và không bị suy giảm	10.868.750.000
<i>Phải thu khách hàng</i>	10.868.750.000
Quá hạn và bị suy giảm	406.954.558.832
<i>Phải thu khách hàng</i>	235.297.461.904
<i>Các khoản phải thu khác</i>	171.657.096.928
	1.976.293.463.976

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

B09-CTCK

e) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

• B09-CTCK

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Giá trị ghi sổ		Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm		Từ 1 – 5 năm		Trên 5 năm	
	VND		VND	VND		VND		VND	
Phải trả dài hạn khác	15.254.400.000		15.254.400.000		-	15.254.400.000		-	
Phải trả người bán	1.699.921.881		1.699.921.881	1.699.921.881		-		-	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.369.954.693.001		1.369.954.693.001	1.369.954.693.001		-		-	
Chi phí phải trả	15.794.990.292		15.794.990.292	15.794.990.292		-		-	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.426.836.001		15.426.836.001	15.426.836.001		-		-	
	1.418.130.841.175		1.418.130.841.175	1.402.876.441.175		15.254.400.000		-	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

(f) Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là các chứng khoán và/hoặc tiền trên tài khoản của nhà đầu tư.

Tổng giá trị của tài sản đảm bảo tương ứng với số dư phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2013
	VND
Phải thu tiền gốc các thỏa thuận hỗ trợ tài chính, cam kết mua và bán lại chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	465.004.724.213
Phải thu tiền lãi từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính, cam kết mua và bán lại chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	59.413.291.931
Tài sản đảm bảo	(503.449.601.573)
	20.968.414.571

29. Thuyết minh công cụ tài chính

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>		
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	232.512.628.432	117.712.031.240
Cổ phiếu niêm yết	232.512.508.491	117.711.934.567
Chứng chỉ quỹ	119.941	96.673
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	150.427.500.150	(*)
Cổ phiếu chưa niêm yết	101.202.500.150	(*)
Chứng chỉ quỹ	49.225.000.000	49.878.200.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	1.408.956.804.593	(*)
Trả trước cho người bán	1.043.653.953	(*)
Phải thu khác	299.478.377.084	(*)
Các khoản tài sản tài chính ngắn hạn khác	16.451.393.550	(*)
Tài sản ngắn hạn khác	2.086.752.864	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	710.568.300.371	710.568.300.371

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả dài hạn khác	15.254.400.000	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.369.954.693.001	(*)
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	1.901.724.813	(*)
Phải trả người bán	1.699.921.881	(*)
Người mua trả tiền trước	1.302.002.000	(*)
Chi phí phải trả	15.794.990.292	(*)
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	961.512.981	(*)
Phải trả khác	15.426.836.001	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

30. Số dư chuyển giao

Số dư chuyển giao tại ngày 9 tháng 12 năm 2013 là số dư tổng hợp của các tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT tại ngày 8 tháng 12 năm 2013.

Chi tiết số dư chuyển giao tại ngày 9 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

9/12/2013
VND

TÀI SẢN

TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.108.056.846.572
Tiền và các khoản tương đương tiền	617.766.826.474
Tiền	577.766.826.474
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	155.969.535.338
Đầu tư ngắn hạn	296.248.180.760
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(140.278.645.422)
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.315.167.228.285
Phải thu của khách hàng	1.441.957.009.313
Trả trước cho người bán	626.531.452
Các khoản phải thu khác	271.217.688.887
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(398.634.001.367)
Hàng tồn kho	211.936.004
Tài sản ngắn hạn khác	18.941.320.471
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.458.842.414
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	648.582.665
Tài sản ngắn hạn khác	15.833.895.392
TÀI SẢN DÀI HẠN	669.874.078.369
Tài sản cố định	9.770.672.519
Tài sản cố định hữu hình	8.824.788.926
Nguyên giá	50.313.317.337
Giá trị hao mòn lũy kế	(41.488.528.411)
Tài sản cố định vô hình	916.219.593
Nguyên giá	8.150.151.501
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.233.931.908)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	29.664.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	550.074.881.750
Đầu tư chứng khoán dài hạn	335.018.149.750
Đầu tư dài hạn khác	252.934.960.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(37.878.228.000)
Tài sản dài hạn khác	110.028.524.100
Chi phí trả trước dài hạn	88.408.279.140
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.607.932.000
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	15.767.634.810
Tài sản dài hạn khác	244.678.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.777.930.924.941

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

9/12/2013
VND

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ

2.156.688.124.941

Nợ ngắn hạn

1.541.433.724.941

Phải trả người bán	1.493.503.958
Người mua trả tiền trước	1.166.002.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.581.992.267
Phải trả người lao động	2.225.100.473
Chi phí phải trả	64.012.596.451
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.452.113.033.948
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	966.663.501
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	3.893.644.813
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.964.105.034
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.082.496

Nợ dài hạn

615.254.400.000

Phải trả dài hạn khác	15.254.400.000
Vay và nợ dài hạn	600.000.000.000

VỐN CHỦ SỞ HỮU

621.242.800.000

Vốn chủ sở hữu

621.242.800.000

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	621.242.800.000
---------------------------	-----------------

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

2.777.930.924.941

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 9 tháng 12 năm 2013
(ngày thành lập) đến 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

B09-CTCK

31. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2013 VND
Dưới 1 năm	7.295.248.740
Từ 1-5 năm	21.575.940.137
	28.871.188.877

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

28-03-2014